

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ  
ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 36



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch	(bắt nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2015)
Ông Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch	(bắt nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2015)
Ông Võ Tân Phong	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015)
Ông Trương Mạnh Thắng	Phó Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 24 tháng 9 năm 2015)
Ông Mai Quang Vinh	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Đức Trường	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lịch	Phó Tổng Giám đốc	(bắt nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2015)
Ông Hồ Công Danh	Phó Tổng Giám đốc	(bắt nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2015)
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Lịch	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Lịch	Phó Tổng Giám đốc	(bắt nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Quý Nhân	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số liệu kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Quản trị gửi điện cho Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Đức Trường

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016



Số: 46/VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến 18 tháng 5 năm 2011 là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán. Do đó, chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị sẽ được quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

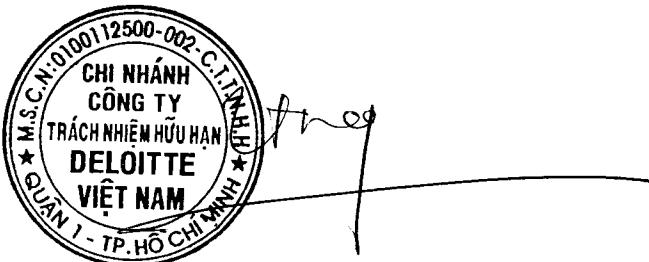
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến khoản mục “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” với số tiền là 11.860.385.823 đồng. Trong năm 2015, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng này trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty tạm ngưng phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa từ năm 2014 và đã gửi hồ sơ đề nghị khấu trừ theo quy định với các cơ quan thuế địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để xem xét áp dụng quy định theo Nghị định 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 23 tháng 3 năm 2016  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Văn Đình Khuê  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1178-2013-001-1

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>MẪU SỐ B 01-DN/HN</b>	
			<b>31/12/2015</b>	<b>Đơn vị: VND 31/12/2014 (Phân loại lại)</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>459.137.031.250</b>	<b>805.356.691.227</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	<b>20.706.626.494</b>	<b>28.257.314.534</b>
1. Tiền	111		13.995.697.327	25.957.314.534
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.710.929.167	2.300.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>322.385.899.319</b>	<b>508.158.668.588</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	751.552.667.245	935.460.705.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.532.351.300	17.789.571.631
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	203.443.711.561	200.174.003.771
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(640.294.266.643)	(645.656.199.916)
5. Tài sản thiêu chờ xử lý	139		151.435.856	390.587.551
III. Hàng tồn kho	140	10	<b>68.082.053.286</b>	<b>195.280.674.936</b>
1. Hàng tồn kho	141		68.082.053.286	213.081.843.257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(17.801.168.321)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>47.962.452.151</b>	<b>73.660.033.169</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.533.409.093	1.020.489.714
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.906.949.094	71.067.343.103
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	1.522.093.964	1.572.200.352
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.182.087.283.572</b>	<b>1.273.299.384.656</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		<b>2.526.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	20.122.827.953	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	6	(17.596.827.953)	-
II. Tài sản cố định	220		<b>742.542.018.606</b>	<b>779.615.067.078</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	437.475.527.751	472.811.768.463
- Nguyên giá	222		686.290.870.812	681.293.575.223
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(248.815.343.061)	(208.481.806.760)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	305.066.490.855	306.803.298.615
- Nguyên giá	228		310.939.727.048	310.939.727.048
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(5.873.236.193)	(4.136.428.433)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		<b>74.857.454.766</b>	<b>90.910.549.108</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	74.857.454.766	90.910.549.108
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		<b>98.465.287.290</b>	<b>150.168.804.113</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	63.990.331.408	108.203.005.803
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	40.428.056.282	68.781.904.281
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(5.953.100.400)	(26.816.105.971)
V. Tài sản dài hạn khác	260		<b>263.696.522.910</b>	<b>252.604.964.357</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	260.026.353.835	248.252.364.454
2. Lợi thế thương mại	269	17	3.670.169.075	4.352.599.903
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>280</b>		<b>1.641.224.314.822</b>	<b>2.078.656.075.883</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>784.149.432.404</b>	<b>1.135.759.296.036</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		<b>783.812.249.688</b>	<b>1.135.759.296.036</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	687.000.515.021	1.217.260.823.108
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.957.520.078	7.628.373.763
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	55.126.652.201	17.883.508.683
4. Phải trả người lao động	314		10.687.643.978	7.525.743.977
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.055.594.468	9.680.868.661
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	21.737.754.278	19.885.538.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		246.569.664	844.295.074
8. Quỹ bình ổn giá	323	22	-	(144.949.855.230)
II. Nợ dài hạn	330		<b>337.182.716</b>	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		67.182.716	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		270.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>857.074.882.418</b>	<b>942.896.779.847</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	<b>857.074.882.418</b>	<b>942.896.779.847</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
2. Cổ phiếu quỹ	415		(5.232.969.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.760.524.885	15.494.474.885
4. Lỗ lũy kế	421		(1.640.831.037.400)	(1.571.052.349.839)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.571.052.349.839)	(1.432.382.292.072)
- Lỗ lũy kế năm nay	421b		(69.778.687.561)	(138.670.057.767)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.603.662.477	9.679.953.345
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.641.224.314.822</b>	<b>2.078.656.075.883</b>

Mai Ngọc Rin  
Người lập biểu

Bùi Minh Hiệp  
Kế toán trưởng



Trần Đức Trường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2016

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

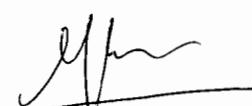
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

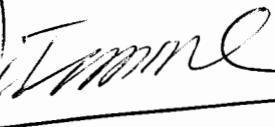
**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.342.922.432.812	5.697.459.324.808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.642.749.274	167.086.706.177
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	4.340.279.683.538	5.530.372.618.631
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	4.248.459.495.679	5.454.886.223.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		91.820.187.859	75.486.395.575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	14.759.249.694	19.766.888.409
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	30	(8.634.812.389)	7.447.888.894
8. Lợi nhuận từ công ty liên kết	23		987.579.715	3.045.071.522
9. Chi phí bán hàng	24	14	9.205.645.000	21.583.401.989
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	152.591.616.260	169.368.029.362
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(82.122.787.154)	(155.121.175.473)
12. Thu nhập khác	31		3.090.579.817	41.858.290.814
13. Chi phí khác	32		136.710.649	22.534.629.023
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.953.869.168	19.323.661.791
15. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(79.168.917.986)	(135.797.513.682)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-	1.967.664.298
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(79.168.917.986)	(137.765.177.980)
17.1 Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(3.347.681.938)	(9.943.514.989)
17.2 Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(75.821.236.048)	(127.821.662.991)
18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(305)	(514)

  
Mai Ngọc Rin  
Người lập biểu

  
Bùi Minh Hiệp  
Kế toán trưởng



  
Huỳnh Đức Trường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2016

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

**MÃ SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(79.168.917.986)</b>	<b>(135.797.513.682)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	42.735.038.529	40.251.848.045
Các khoản dự phòng	03	(8.628.110.891)	20.209.368.175
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(22.289.280)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.253.924.000)	(57.252.173.804)
Chi phí lãi vay	06	987.579.715	3.045.071.522
<b>3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(51.328.334.633)</b>	<b>(129.565.689.024)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	331.302.182.345	19.276.930.957
Thay đổi hàng tồn kho	10	127.198.621.650	35.860.657.572
Thay đổi các khoản phải trả	11	(476.676.803.010)	(58.268.205.115)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.251.091.240	20.421.939.360
Tiền lãi vay đã trả	13	(987.579.715)	(3.045.071.522)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.975.417.975)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(579.989.050)	(1.817.250.261)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(68.820.811.173)</b>	<b>(120.112.106.008)</b>
<b>II. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(11.044.855.208)	(21.167.188.102)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	22	-	15.554.722.940
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	70.133.297.786	68.744.970.032
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	925.107.000	10.010.014.282
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>60.013.549.578</b>	<b>73.142.519.152</b>
<b>III. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	155.902.724.769	1.448.892.971.090
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(154.646.151.214)	(1.515.727.540.665)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.256.573.555</b>	<b>(66.834.569.575)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(7.550.688.040)</b>	<b>(113.804.156.431)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>28.257.314.534</b>	<b>142.062.508.533</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.037.568)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>20.396.494.194</b>	<b>28.257.314.534</b>

Mai Ngọc Rin  
Người lập biểu

Bùi Minh Hiệp  
Kế toán trưởng



Huỳnh Đức Trường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2016

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 3076/BB-DKVN được phê duyệt bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định Giá Miền Nam và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thì giá trị của Công ty mẹ được xác định cho mục đích cổ phần hóa là 2.606.204.995.730 đồng vào ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thành công ty cổ phần với vốn điều lệ là 2.600.000.000.000 đồng. Công ty mẹ được cổ phần hóa vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 và trở thành công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ quyết định thời điểm chính thức hoạt động của Công ty Cổ phần và cũng là thời điểm chuyên giao tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec trước đây sang Công ty Cổ phần là từ ngày 18 tháng 5 năm 2011.

Ngày 09 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”) và Tổng công ty Dầu Việt Nam (“PV Oil”) ký kết hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (“Petec”). Theo đó, PVN đồng ý chuyển nhượng 246.425.100 cổ phần cùng với toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của PVN tương ứng với tỷ lệ cổ phần chuyển nhượng trong Petec cho PV Oil.

Ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ đã cấp giấy chứng nhận cổ đông cho PV Oil theo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn tại Công ty từ PVN sang PV Oil.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 491 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 526 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là xuất nhập khẩu, tổ chức kinh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu); đại lý tiêu thụ hàng hóa, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ; kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy.

Ngày 31 tháng 5 năm 2013, Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số 3548/QĐ-BCT thu hồi giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty mẹ. Theo đó, Công ty mẹ không còn là thương nhân dầu mỏ nhập khẩu xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

#### Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty gồm Công ty mẹ và 3 công ty con, danh sách các công ty con như sau:

1. Công ty Cổ phần Cà phê Petec (sau đây gọi tắt là “Cà phê Petec”) có trụ sở đăng ký đặt tại số 03 Hoa Đào, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đều là 58,75%.
2. Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (sau đây gọi tắt là “Petec Land”) có trụ sở đăng ký đặt tại 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là 30,71%. Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Petec Land, và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng Công ty có quyền kiểm soát Petec Land thông qua việc có đa số đại diện trong Hội đồng quản trị thực hiện chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petec Land. Theo đó, Petec Land là một Công ty con.
3. Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “An Pha Vĩnh Long”) có trụ sở đăng ký tại Ấp Thanh Mỹ, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đều là 100,00%.

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Petec Bình Định có trụ sở đăng ký tại số 389 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đều là 31,54%.
2. Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu có trụ sở đăng ký tại số 89 Hai Bà Trưng, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đều là 44,72%.
3. Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận có trụ sở đăng ký tại số 97 Trần Hưng Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đều là 27,00%.
4. Công ty Cổ phần Kho vận Petec có trụ sở đăng ký tại 123 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ lần lượt là 31,50% và 39,21%.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (gọi tắt là "công ty con") được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2500-  
1 NHÁ  
ĐONG  
HMIEM  
LÖIT  
ET N  
TP.H

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/(lỗ) do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

##### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

002-C.I.I...  
NH  
TY  
SUU HAN  
TE  
AM  
SCHIMM

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kê toán hiện hành.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng hoá và chi phí thu mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ giá trị sổ sách của hàng tồn kho cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kê toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kê toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5-15
Máy móc và thiết bị	6-15
Phương tiện vận tải	3-15
Thiết bị văn phòng	3-6
Tài sản cố định khác	25

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế trong khi quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm máy tính là 5 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chủ yếu giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là thời điểm có quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê và giá trị thương hiệu). Như trình bày tại thuyết minh số 16, Công ty đã tạm ngưng phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa từ năm 2014.

Chi phí trả trước dài hạn khác là tiền thuê đất dài hạn đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê; chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, sửa chữa tài sản, chi phí logo bảng hiệu và công cụ dụng cụ khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ 2 đến 3 năm.

# TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN

### Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN****Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm tài chính khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Tiền mặt	509.081.146	1.136.862.284
Tiền gửi ngân hàng	13.486.616.181	24.820.452.250
Các khoản tương đương tiền	<u>6.710.929.167</u>	<u>2.300.000.000</u>
	<b><u>20.706.626.494</u></b>	<b><u>28.257.314.534</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất 4,3% đến 4,8%/năm (31 tháng 12 năm 2014: 5%/năm).

Một số tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đại Dương ("Ocean Bank") bị tạm khoanh giữ với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 909,32 Đô la Mỹ, 24,01 Euro và 385.259.206 đồng.

002-C  
NH  
TY  
HỮU HÃ  
TE  
AM  
Ô CHÍ

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

31/12/2015

31/12/2014

VND

VND

a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	14.851.122.000	97.567.431.776
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	70.088.298.311	78.234.498.311
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	20.010.740.366
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Công ty Cổ phần TM Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	58.257.741.001
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong	124.251.939.885	124.251.939.885
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Khách hàng khác	<u>189.116.279.836</u>	<u>267.161.808.366</u>
	<b><u>751.552.667.245</u></b>	<b><u>935.460.705.551</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(640.294.266.643)</u>	<u>(645.656.199.916)</u>
	<b><u>111.258.400.602</u></b>	<b><u>289.804.505.635</u></b>

b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất & TM XNK Tân Đinh Phong	12.839.699.605	-
Khách hàng khác	<u>968.128.348</u>	<u>-</u>
	<b><u>20.122.827.953</u></b>	<u>-</u>
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	<u>(17.596.827.953)</u>	<u>2.526.000.000</u>
	<b><u>2.526.000.000</u></b>	<u>-</u>

c. Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 37)

	<b><u>32.265.137.654</u></b>	<b><u>12.635.634.800</u></b>
--	------------------------------	------------------------------

Như trình bày tại Thuyết minh số 09, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng nợ phải thu quá hạn là 695.903.723.907 đồng, trong đó tổng nợ quá hạn mà Công ty đã khởi kiện là 666.618.801.968 đồng. Do đó, để đảm bảo rủi ro về mặt tài chính có thể xảy ra liên quan đến các khoản nợ quá hạn, Công ty đã căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 và ước tính về khả năng thu hồi của các khoản nợ này để trích lập dự phòng công nợ sau khi trừ tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản dự phòng được ghi nhận trên báo cáo tài chính đủ để ghi giảm giá trị của các tài sản này xuống giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

31/12/2015

31/12/2014

VND

VND

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quang Anh	3.099.958.629	3.099.958.629
Công ty Cổ phần Song Phát	-	8.026.647.000
Nhà cung cấp khác	<u>4.432.392.671</u>	<u>6.662.966.002</u>
	<b><u>7.532.351.300</u></b>	<b><u>17.789.571.631</u></b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	170.283.513.359	172.650.526.381
Đền bù giải tỏa kho Thốt Nốt	10.451.288.931	13.138.480.046
Phải thu khác	<u>22.708.909.271</u>	<u>14.384.997.344</u>
	<b><u>203.443.711.561</u></b>	<b><u>200.174.003.771</u></b>

(\*): Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện:

- (1) Khoản lỗ lũy kế từ thời điểm đánh giá lại giá trị doanh nghiệp từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 đến 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền 169.785.513.359 đồng theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Một thành viên (MTV) sang Công ty Cổ phần. Khoản lỗ này vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán.
- (2) Chi phí phát sinh liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp còn phải thu lại từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 498.000.000 đồng.

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị có thể thu hồi <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Trần Thành	-	-	6.048.827.781	6.048.827.781
Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy	12.335.735.875	12.335.735.875	14.145.735.875	7.426.181.122
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	31.843.949.021	13.854.229.986
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	14.440.277.121	14.440.277.121	21.440.277.121	21.440.277.121
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	9.985.271.972	3.354.470.000	9.985.271.972	6.669.870.986
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	70.088.298.311	-	70.088.298.311	-
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong	124.251.939.885	-	124.251.939.885	-
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Càm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	58.257.741.001	15.000.000.000
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	1.988.175.352	6.315.000.000	1.894.500.000
Công ty TNHH SX&TM XNK Tân Định Phong	12.839.699.605	-	12.839.699.605	1.571.514.696
Khách hàng khác	<u>66.031.188.304</u>	<u>5.893.970.963</u>	<u>112.237.151.903</u>	<u>57.879.577.079</u>
	<b><u>695.903.723.907</u></b>	<b><u>38.012.629.311</u></b>	<b><u>777.441.178.687</u></b>	<b><u>131.784.978.771</u></b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.909.762.798	-	2.051.097.880	-
Công cụ, dụng cụ	781.650.859	-	1.137.663.504	-
Hàng hóa	60.719.639.629	-	209.893.081.873	(17.801.168.321)
Hàng gửi bán	4.671.000.000	-	-	-
	<b><u>68.082.053.286</u></b>	<u>-</u>	<b><u>213.081.843.257</u></b>	<b><u>(17.801.168.321)</u></b>

## ĐONG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

4 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

*c thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	564.805.681.084	26.368.042.336	47.543.875.478	3.595.314.364	38.980.661.961	681.293.575.223
Mua trong năm	400.000.000	-	-	77.000.000	-	477.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.000.107.902	107.272.727	2.835.137.960	-	-	4.942.518.589
Điều chỉnh khác	(422.223.000)	-	-	-	-	(422.223.000)
Tại ngày 31/12/2015	<b>566.783.565.986</b>	<b>26.475.315.063</b>	<b>50.379.013.438</b>	<b>3.672.314.364</b>	<b>38.980.661.961</b>	<b>686.290.870.812</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KÉ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	140.519.660.963	16.615.022.170	32.738.498.180	2.818.838.272	15.789.787.175	208.481.806.760
Khấu hao trong năm	31.170.980.396	2.035.835.161	2.869.454.281	394.778.439	3.862.488.024	40.333.536.301
Tại ngày 31/12/2015	<b>171.690.641.359</b>	<b>18.650.857.331</b>	<b>35.607.952.461</b>	<b>3.213.616.711</b>	<b>19.652.275.199</b>	<b>248.815.343.061</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2015	<b>395.092.924.627</b>	<b>7.824.457.732</b>	<b>14.771.060.977</b>	<b>458.697.653</b>	<b>19.328.386.762</b>	<b>437.475.527.751</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>424.286.020.121</b>	<b>9.753.020.166</b>	<b>14.805.377.298</b>	<b>776.476.092</b>	<b>23.190.874.786</b>	<b>472.811.768.463</b>

Khấu hao trong năm được ghi nhận:

Chi phí sản xuất kinh doanh	40.315.799.941
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định	17.736.360
	<b>40.333.536.301</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với nguyên giá là 48.057.753.928 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 37.821.098.396 đồng).

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015	<u>307.385.450.520</u>	<u>3.554.276.528</u>	<u>310.939.727.048</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	2.831.356.809	1.305.071.624	4.136.428.433
Khấu hao trong năm	<u>1.233.172.458</u>	<u>503.635.302</u>	<u>1.736.807.760</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>4.064.529.267</u>	<u>1.808.706.926</u>	<u>5.873.236.193</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2015	<u>303.320.921.253</u>	<u>1.745.569.602</u>	<u>305.066.490.855</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>304.554.093.711</u>	<u>2.249.204.904</u>	<u>306.803.298.615</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	57.340.964.585	57.340.964.291
- Kho cảng xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (giai đoạn 2) (*)	<u>56.164.171.321</u>	<u>56.164.171.321</u>
- Khu đất Đàm Bà Tài - Thành phố Hải Phòng	820.562.061	820.562.061
- Khác	<u>356.231.203</u>	<u>356.230.909</u>
Mua sắm tài sản cố định	16.918.181.817	32.954.222.817
- Trong đó: mua cửa hàng xăng dầu	<u>16.918.181.817</u>	<u>32.954.222.817</u>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	288.308.364	284.308.364
Khác	<u>310.000.000</u>	<u>331.053.636</u>
	<u>74.857.454.766</u>	<u>90.910.549.108</u>

(\*) Số dư thể hiện giá trị san lập mặt bằng giai đoạn 2 của kho cảng xăng dầu Cái Mép- Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Hiện tại công trình đang tạm dừng và chờ quyết định từ Tập đoàn.

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết	54.784.686.408	86.619.603.814
Phần lãi phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	<u>9.205.645.000</u>	<u>21.583.401.989</u>
	<u>63.990.331.408</u>	<u>108.203.005.803</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

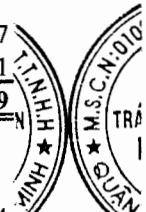
Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Tỉnh Bình Định	31,54	31,54	Kinh doanh xăng dầu, xi măng
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	44,72	44,72	Kinh doanh xăng dầu, bách hóa
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	27,00	27,00	Kinh doanh xăng dầu, vật tư
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	Tỉnh Bình Dương	31,50	39,21	Kinh doanh vận tải, kho bãi

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Tổng tài sản	423.231.226.641	789.405.334.165
Tổng công nợ	272.251.227.930	459.881.878.079
Tài sản thuần	<u>150.979.998.711</u>	<u>329.523.456.086</u>
<b>Phản tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b><u>55.995.523.695</u></b>	<b><u>62.687.279.781</u></b>
Doanh thu	3.319.941.126.993	5.939.403.910.487
Lợi nhuận thuần	<u>4.599.070.276</u>	<u>34.835.987.481</u>
<b>Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b><u>9.205.645.000</u></b>	<b><u>21.583.401.989</u></b>

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán	5.726.652.839	5.726.652.839
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	990.042.839	990.042.839
+ Công ty Cổ phần Nghiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
Đầu tư góp vốn	34.701.403.443	63.055.251.442
+ Công ty Cổ phần Âu Lạc	26.482.144.914	29.706.587.314
+ Tổng Công ty Thương Mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	-	5.232.969.000
+ Công ty Cổ phần TMDL XDDK Hà Giang	-	2.121.130.462
+ Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tin	7.000.000.000	7.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng & Chất dót Đồng Nai	1.166.978.529	1.166.978.529
+ Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	<u>52.280.000</u>	<u>17.827.586.137</u>
	<b><u>40.428.056.282</u></b>	<b><u>68.781.904.281</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(5.953.100.400)	(26.816.105.971)
+ Công ty Cổ phần Nghiên liệu Sài Gòn	(31.100.400)	-
+ Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tin	(5.922.000.000)	(5.922.000.000)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Hà Giang	-	(5.967.200.314)
+ Công ty cổ phần XD Dầu khí Nam Định	-	(11.860.385.823)
+ Tổng Công ty Thương Mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	-	(3.066.519.834)
	<b><u>34.474.955.882</u></b>	<b><u>41.965.798.310</u></b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa	217.625.795.440	217.625.795.440
Giá trị thương hiệu phát sinh từ cổ phần hóa	3.772.001.384	4.363.687.520
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>38.628.557.011</u>	<u>26.262.881.494</u>
	<b><u>260.026.353.835</u></b>	<b><u>248.252.364.454</u></b>

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Công ty khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011. Nghị định 189/2013/NĐ-CP, ngày 20 tháng 11 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần quy định “Đối với các doanh nghiệp đã xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền công bố giá trị doanh nghiệp theo quy định trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp cổ phần hóa”. Nghị định 189 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và được hướng dẫn thực hiện tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2014. Hiện Công ty đã gửi hồ sơ đề nghị khấu trừ theo quy định với các cơ quan thuế địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để xem xét áp dụng quy định theo Nghị định 189 trong năm 2015. Công ty đã nộp tiền thuê đất và ghi nhận chi phí tương ứng trong năm 2015 và tạm ngưng phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa từ năm 2014.

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Lợi thế thương mại <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015 & 31/12/2015	<u>6.824.308.267</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KÉ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	2.471.708.364
Khấu hao trong năm	<u>682.430.828</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.154.139.192</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.670.169.075</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>4.352.599.903</u>

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	674.323.095.430	1.181.038.715.718
Nhà cung cấp khác	<u>12.677.419.591</u>	<u>36.222.107.390</u>
	<b><u>687.000.515.021</u></b>	<b><u>1.217.260.823.108</u></b>
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 37)	<u>674.847.997.353</u>	<u>1.183.727.430.604</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước trong năm theo từng loại thuế như sau:

	01/01/2015 <u>VND</u>	Số phải nộp <u>VND</u>	Số đã nộp <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	558.504.416	38.621.829.275	(33.623.711.219)	5.556.622.472
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.531.552.575	(1.531.552.575)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.522.093.964)	-	-	(1.522.093.964)
Thuế thu nhập cá nhân	83.928.379	536.022.816	(466.295.516)	153.655.679
Các loại thuế khác	17.190.969.500	506.679.356.473	(474.453.951.923)	49.416.374.050
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.311.308.331</b>	<b>547.368.761.139</b>	<b>(510.075.511.233)</b>	<b>53.604.558.237</b>
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.572.200.352			1.522.093.964
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	17.883.508.683			55.126.652.201

**20. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	135.547.753	301.063.986
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	2.367.013.022
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	332.652.906	6.235.585.283
Phải trả khác	587.393.809	777.206.370
<b>Phải trả khác</b>	<b>1.055.594.468</b>	<b>9.680.868.661</b>

**21. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN**

	31/12/2014				31/12/2015			
	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Số có khả năng VND	Giá trị VND	trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đông Á	19.885.538.000	19.885.538.000	145.424.631.989	153.167.885.989	12.142.284.000	12.142.284.000		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	11.369.810.278	1.774.340.000	9.595.470.278	9.595.470.278		
	<b>19.885.538.000</b>	<b>19.885.538.000</b>	<b>156.794.442.267</b>	<b>154.942.225.989</b>	<b>21.737.754.278</b>	<b>21.737.754.278</b>		

Vay Ngân hàng TMCP Đông Á theo Hợp đồng tín dụng số H.0385/NT ngày 12 tháng 7 năm 2014 có hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay này được thực hiện bằng hình thức tín chấp. Hiện tại Công ty vẫn chưa ký hợp đồng mới hoặc phụ lục bổ sung hợp đồng đã hết hạn.

Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1658137/HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2015 với hạn mức tối đa là 35.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay này được thực hiện bằng hình thức tín chấp.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**22. QUÝ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU**

Số dư Quý bình ổn giá của Công ty được chuyển về Tổng Công ty Dầu Việt Nam theo Biên bản kiểm tra, xử lý Quý bình ổn giá tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam ngày 29 tháng 5 năm 2015 của đoàn Công tác kiểm tra liên ngành – Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn điều lệ**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	260.000.000	2.600.000.000.000	260.000.000	2.600.000.000.000
Đã góp vốn	248.877.470	2.488.774.701.456	248.877.470	2.488.774.701.456
Chưa góp	11.122.530	111.225.298.544	11.122.530	111.225.298.544

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Dầu Việt Nam góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư.

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phiếu phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

**Cổ phiếu**

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Danh sách cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.353.025.701.456	94,55	2.353.025.701.456	94,55
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	64.792.860.000	2,60	64.792.860.000	2,60
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	5.490.270.000	0,22	5.490.270.000	0,22
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	3.787.680.000	0,15	3.787.680.000	0,15
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.388.970.000	0,14	3.388.970.000	0,14
Nguyễn Văn Tuấn	2.990.270.000	0,12	2.990.270.000	0,12
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.790.920.000	0,11	2.790.920.000	0,11
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	2.491.890.000	0,10	2.491.890.000	0,10
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủ Đức	1.993.510.000	0,08	1.993.510.000	0,08
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	1.993.510.000	0,08	1.993.510.000	0,08
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	1.993.510.000	0,08	1.993.510.000	0,08
Công ty Cổ phần Dịch vụ và TM Hải Bình	1.495.130.000	0,06	1.495.130.000	0,06
Công ty Cổ phần Âu Lạc	1.000.000.000	0,04	1.000.000.000	0,04
Cổ đông khác	41.540.480.000	1,67	41.540.480.000	1,67
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>100</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>100</b>

**ĐONG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

4 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

c *thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu <u>VND</u>	Cổ phiếu quỹ <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Lỗ lũy kế <u>VND</u>	Lợi ích cổ đông không kiểm soát <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	-	<b>15.025.469.716</b>	<b>3.513.793.799</b>	<b>(1.432.382.292.072)</b>	<b>33.852.427.304</b>	<b>1.108.784.100.203</b>
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(137.765.177.980)	-	(137.765.177.980)
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	9.943.514.989	(9.943.514.989)	-
Trích các quỹ ngoài biếu vốn	-	-	-	-	(470.160.000)	(297.840.000)	(768.000.000)
Trích các quỹ	-	-	-	98.233.835	(98.233.835)	(60.438.165)	(60.438.165)
Điều chỉnh do sáp nhập và khác	-	-	(1.336.643.129)	(1.806.379.336)	(11.665.352.501)	(12.485.329.245)	(27.293.704.211)
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát khác	-	-	-	-	1.385.351.560	(1.385.351.560)	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	-	<b>13.688.826.587</b>	<b>1.805.648.298</b>	<b>(1.571.052.349.839)</b>	<b>9.679.953.345</b>	<b>942.896.779.847</b>
Trinh bày lại theo Thông tư 200/TT-BTC	-	-	1.805.648.298	(1.805.648.298)	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	-	<b>15.494.474.885</b>	-	<b>(1.571.052.349.839)</b>	<b>9.679.953.345</b>	<b>942.896.779.847</b>
Phân loại lại	-	-	(6.733.950.000)	-	6.733.950.000	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(79.168.917.986)	-	(79.168.917.986)
Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	3.347.681.938	(3.347.681.938)	-
Trích các quỹ ngoài biếu vốn	-	-	-	-	(70.500.000)	(49.500.000)	(120.000.000)
Cổ phiếu quỹ	-	(5.232.969.000)	-	-	-	-	(5.232.969.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(620.901.513)	(679.108.930)	(1.300.010.443)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>(5.232.969.000)</b>	<b>8.760.524.885</b>	-	<b>(1.640.831.037.400)</b>	<b>5.603.662.477</b>	<b>857.074.882.418</b>

24

M.S.C.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KÉ TOÁN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của khách hàng (VND)	341.733.871.840	548.183.809.783
2. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	5.468	49.286
Euro (EUR)	554	604
Đô la Singapore (SGD)	404	689

Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của khách hàng thể hiện giá trị hàng khách hàng của Công ty mua hàng nhưng gửi lại, và giá trị hàng khách hàng gửi kho Công ty (cho thuê kho dịch vụ).

**25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu. Hoạt động khác bao gồm xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ, các loại vật tư, nguyên liệu, phân bón, phương tiện vận tải và các mặt hàng tiêu dùng khác; Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thuỷ, hải sản; Cung cấp dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác); Các hoạt động liên doanh, liên kết về kho cảng, ngân hàng, bảo hiểm, cây xăng, kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là liên quan chủ yếu đến hoạt động kinh doanh chính.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Nam và Miền Trung. Văn phòng Công ty được đặt tại Miền Nam. Hoạt động kinh doanh tổng hợp chủ yếu được thực hiện tại Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Miền Nam	2.536.694.027.783	2.546.507.584.088
Miền Trung	762.232.559.809	1.360.087.964.986
Miền Bắc	<u>1.041.353.095.946</u>	<u>1.623.777.069.557</u>
	<b><u>4.340.279.683.538</u></b>	<b><u>5.530.372.618.631</u></b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2015	Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình 31/12/2015	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2014	Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình 31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Miền Nam	672.284.013.600	3.452.084.638	1.088.713.484.694	43.156.931.484
Miền Trung	48.235.402.568	-	68.660.897.320	6.407.452.808
Miền Bắc	<u>920.704.898.654</u>	<u>1.967.433.951</u>	<u>921.281.693.869</u>	<u>55.290.933.086</u>
	<b><u>1.641.224.314.822</u></b>	<b><u>5.419.518.589</u></b>	<b><u>2.078.656.075.883</u></b>	<b><u>104.855.317.378</u></b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa xăng dầu	4.062.559.842.665	4.952.418.227.501
Doanh thu bán hàng kinh doanh tổng hợp	240.397.035.513	707.094.490.673
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>39.965.554.634</u>	<u>37.946.606.634</u>
	<b><u>4.342.922.432.812</u></b>	<b><u>5.697.459.324.808</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Thuế bảo vệ môi trường	-	(167.086.706.177)
Hàng bán bị trả lại	<u>(2.642.749.274)</u>	<u>-</u>
	<b><u>4.340.279.683.538</u></b>	<b><u>5.530.372.618.631</u></b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 37)	<u>491.232.000.147</u>	<u>184.775.432.598</u>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Giá vốn của xăng dầu đã bán	4.012.226.232.053	4.762.191.762.992
Giá vốn của hàng hóa đã bán	236.233.263.626	690.901.212.049
Hao hụt trong định mức hàng tồn kho xăng dầu	<u>-</u>	<u>1.793.248.015</u>
	<b><u>4.248.459.495.679</u></b>	<b><u>5.454.886.223.056</u></b>

**28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YÊU TỐ**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.569.621.229	20.577.970.477
Chi phí nhân công	79.438.882.492	86.009.763.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.735.038.529	40.251.848.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.378.843.137	75.181.282.799
Chi phí khác	<u>23.420.296.709</u>	<u>42.489.107.976</u>
	<b><u>206.542.682.096</u></b>	<b><u>264.509.972.552</u></b>

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố không bao gồm giá vốn hàng bán.

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	324.350.020	631.162.042
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.126.000.000	10.010.014.282
Lãi đầu tư cổ phiếu	<u>10.012.930.786</u>	<u>5.909.963.000</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá	<u>2.295.968.888</u>	<u>3.215.749.085</u>
	<b><u>14.759.249.694</u></b>	<b><u>19.766.888.409</u></b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lãi tiền vay	987.579.715	3.045.071.522
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.857.628.640	1.842.983.973
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	4.885.006.786	19.452.623.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(20.863.005.571)	(18.931.292.675)
Chi phí khác	3.497.978.041	2.038.503.074
	<b>(8.634.812.389)</b>	<b>7.447.888.894</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	16.351.808.075	24.971.198.788
Chi phí dự phòng	12.378.961.422	32.415.907.007
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	<b>25.220.296.339</b>	<b>37.754.837.395</b>
	<b>53.951.065.836</b>	<b>95.141.943.190</b>
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	59.253.887.648	64.362.087.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.954.926.170	35.275.217.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.417.469.444	50.225.451.239
Các khoản chi phí bán hàng khác	<b>39.965.332.998</b>	<b>19.505.272.458</b>
	<b>152.591.616.260</b>	<b>169.368.029.362</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lỗ trước thuế	(79.168.917.986)	(135.797.513.682)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	8.727.194.838	14.692.254.612
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<b>211.571.975</b>	<b>1.109.398.950</b>
	<b>(87.684.540.849)</b>	<b>(149.380.369.344)</b>
Lỗ năm trước được chuyển sang		
Thu nhập chịu thuế	-	(843.584.628)
Trong đó:		
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	2.982.890.656
Lỗ tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính	(74.077.687.748)	(156.383.675.369)
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty con	-	1.311.428.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	656.235.944
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.967.664.298</b>

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế theo qui định hiện hành. Tuy nhiên, Công ty mẹ và các công ty con không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do không có thu nhập tính thuế.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 2.048.797.834.026 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.974.720.146.278 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

**Năm**

**Các khoản lỗ tính thuế  
VND**

2016	375.284.173.111
2017	895.738.698.352
2018	517.443.248.942
2019	186.254.025.873
2020	74.077.687.748
	<b>2.048.797.834.026</b>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cở sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**33. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
<b>Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	(75.821.236.048)	(127.821.662.991)
<b>Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	(75.821.236.048)	(127.821.662.991)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	248.877.470	248.877.470
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(305)</b>	<b>(514)</b>

**34. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

Trong năm, Công ty có ký các hợp đồng thuê các kho bãi với Công ty TNHH MTV Xăng dầu An pha Vĩnh Long với chi phí thuê từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 5 năm 2015 là 250.000.000 VND/tháng, từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 12 năm 2015 là 392.000.000 VND/tháng để bảo quản xăng dầu cũng như dự trữ hàng để bán. Ngoài ra, Công ty còn ký hợp đồng thuê kho với Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) và các đơn vị thành viên với phí thuê kho hàng tháng được tính căn cứ vào số lượng xăng dầu nhập, xuất và tồn nhân với đơn giá 5 VND/lít 15 độ C cho phí bơm rót; 16 VND/lít 15 độ C cho tiếp nhận hàng và đồng/lít 15 độ C (bình quân tháng) cho phí bảo quản.

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuê, bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc các cổ đông công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lỗ lũy kế).

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	21.737.754.278	19.885.538.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	20.706.626.494	28.257.314.534
Nợ thuần	1.031.127.784	-
Vốn chủ sở hữu	<u>851.471.219.941</u>	<u>933.216.826.502</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,0012</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.706.626.494	28.257.314.534
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.996.644.885	289.804.505.635
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>34.474.955.882</u>	<u>41.965.798.310</u>
	<b><u>183.178.227.261</u></b>	<b><u>360.027.618.479</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	21.737.754.278	19.885.538.000
Phải trả người bán và phải trả khác	<u>688.026.543.921</u>	<u>1.226.280.085.013</u>
	<b><u>709.764.298.199</u></b>	<b><u>1.246.165.623.013</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN****Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ (“USD”)	5.977.272.927	7.563.427.179	15.132.454.278	19.885.538.000
Euro (“EUR”)	13.936.520	9.132.286	-	-
Đô la Singapore (“SGD”)	6.397.222	6.727.578	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Tổng Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

Nếu Đô la Mỹ tăng/giảm 2% so với đồng Việt Nam thì lỗ trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng/giảm một khoản tiền lần lượt là 183.103.627 đồng và 246.442.216 đồng. Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho EUR và SGD thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lỗ trước thuế của Công ty.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng/giảm lần lượt là 434.755.086 đồng và 397.710.760 đồng.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản nợ tín dụng khá lớn từ các khách hàng kinh doanh xăng dầu như trình bày tại Thuyết minh số 6.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.706.626.494	-	20.706.626.494
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.470.644.885	2.526.000.000	127.996.644.885
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	34.474.955.882	34.474.955.882
	<b>146.177.271.379</b>	<b>37.000.955.882</b>	<b>183.178.227.261</b>
 Các khoản vay	21.737.754.278	-	21.737.754.278
Phải trả người bán và phải trả khác	687.689.361.205	337.182.716	688.026.543.921
	<b>709.427.115.483</b>	<b>337.182.716</b>	<b>709.764.298.199</b>
 <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(563.249.844.104)</b>	<b>36.663.773.166</b>	<b>(526.586.070.938)</b>
 31/12/2014	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.257.314.534	-	28.257.314.534
Phải thu khách hàng và phải thu khác	289.804.505.635	-	289.804.505.635
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	41.965.798.310	41.965.798.310
Ký quỹ	-	-	-
	<b>318.061.820.169</b>	<b>41.965.798.310</b>	<b>360.027.618.479</b>
 Các khoản vay	19.885.538.000	-	19.885.538.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.226.280.085.013	-	1.226.280.085.013
	<b>1.246.165.623.013</b>	<b>-</b>	<b>1.246.165.623.013</b>
 <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(928.103.802.844)</b>	<b>41.965.798.310</b>	<b>(886.138.004.534)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên một phần lớn khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh 37. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

12500-00-  
HAI NHÂN H  
CÔNG TY  
AN NHIÊM HỮU  
ELOITTE  
VIỆT NAM  
TP. HỒ C

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính hợp nhất*.**MẪU SỐ B 09-ĐN/HN****36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYEN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

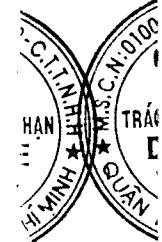
Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 6.877.071.285 đồng (2014: 20.608.002.158 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)  
Công ty Cổ phần Petec Bình Định  
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu  
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận  
Công ty Cổ phần Kho vận Petec  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa  
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng  
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long  
Công ty Cổ phần Dầu nhòn PV Oil  
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kong

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính hợp nhất*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>491.232.000.147</b>	<b>185.522.054.050</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	105.485.358.625	70.726.000.208
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu	39.855.886.559	-
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	20.326.611.326	397.848.523
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	<u>87.709.877.840</u>	<u>75.088.539.086</u>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	5.970.002.460	21.804.038.137
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	32.946.366.019	99.200.689
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	5.453.600.222	42.882.123
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	69.254.404.268	415.681.648
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	67.943.345.437	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	6.130.203.143	5.088.090
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	697.100.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	1.203.171.109	32.686.339
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	4.097.192.930	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	21.875.201.465	16.759.006.644
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	1.191.644.918	28.722.979
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức	19.235.450.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	<u>1.856.583.826</u>	<u>122.359.584</u>
<b>Mua hàng</b>	<b>3.680.957.717.265</b>	<b>4.481.603.563.039</b>
<b>Mua hàng hóa từ các Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	5.001.450.826	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	<u>3.675.956.266.439</u>	<u>4.481.603.563.039</u>
<b>Sử dụng dịch vụ từ các Công ty trong cùng tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>	<b>7.909.731.336</b>	<b>1.448.072.225</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	4.549.656.734	976.138.606
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	709.362.097	69.441.315
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	<u>2.650.712.505</u>	<u>402.492.304</u>
<b>Lãi trả chậm</b>	<b>2.860.251.399</b>	<b>6.235.585.283</b>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	<u>2.860.251.399</u>	<u>6.235.585.283</u>
<b>Cổ tức nhận từ Đầu tư dài hạn</b>	<b>2.126.000.000</b>	<b>-</b>
	<u>2.126.000.000</u>	<u>-</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	3.915.283.810	1.151.250.761
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	77.471.749	35.841.102
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	<u>7.475.585.524</u>	<u>10.501.445.023</u>
<b>Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	18.975.135	3.077.138
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL LUBE	22.237.702	852.391
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	-	17.866.137
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	105.811.240	171.857
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	1.623.930	15.012.674
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	67.278.681	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	36.238.657	18.172.995
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	198.056.747	12.764.459
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	14.535.522.056	1.124.816
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	287.316.284	24.485.402
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	555.114	631.145
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	5.523.181.025	29.621.736
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	<u>-</u>	<u>823.317.164</u>
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>674.847.997.353</b>	<b>1.183.727.430.604</b>
<b>Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	113.844.951	20.635.773
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	11.698.541	16.260.548
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	3.436.507	2.937.357
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	-	3.022.463
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	1.971.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	8.985.965
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	395.921.924	2.634.901.580
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	<u>674.323.095.430</u>	<u>1.181.038.715.718</u>
<b>Phải thu khác</b>	<b>170.283.513.359</b>	<b>175.680.526.381</b>
<b>Công ty trong cùng Tập đoàn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>170.283.513.359</u>	<u>172.650.526.381</u>
<b>Phải trả khác</b>	<b>332.652.906</b>	<b>6.235.585.283</b>
<b>Công ty trong cùng Tập đoàn</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	<u>332.652.906</u>	<u>6.235.585.283</u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>1.912.335.000</u>	<u>2.919.550.000</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo TT 200 và 202	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
		VND	VND	VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100	<b>805.356.691.227</b>		<b>805.356.691.227</b>
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130	<b>507.068.933.526</b>	<b>1.089.735.062</b>	<b>508.158.668.588</b>
3. Các khoản phải thu khác (*)	135	199.474.856.260	(199.474.856.260)	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	-	200.174.003.771	200.174.003.771
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	390.587.551	390.587.551
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150	<b>74.749.768.231</b>	<b>(1.089.735.062)</b>	<b>73.660.033.169</b>
4. Tài sản ngắn hạn khác (*)	158	1.089.735.062	(1.089.735.062)	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200	<b>1.273.299.384.656</b>		<b>1.273.299.384.656</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	220	<b>870.525.616.186</b>	<b>(90.910.549.108)</b>	<b>779.615.067.078</b>
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	230	90.910.549.108	(90.910.549.108)	-
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240	-	<b>90.910.549.108</b>	<b>90.910.549.108</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	90.910.549.108	90.910.549.108
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260	<b>248.252.364.454</b>	<b>4.352.599.903</b>	<b>252.604.964.357</b>
2. Lợi thế thương mại	269	-	4.352.599.903	4.352.599.903
<b>VI. Lợi thế thương mại (*)</b>	270	<b>4.352.599.903</b>	<b>(4.352.599.903)</b>	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	280	<b><u>2.078.656.075.883</u></b>		<b><u>2.078.656.075.883</u></b>

2-C.T.  
U HAN  
E  
I  
CHI MI

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

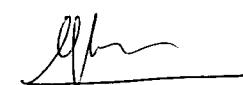
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**MẪU SÓ B 09-ĐN/HN**

	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014 <u>VND</u>	Phân loại lại theo TT 200 và 202 <u>VND</u>	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014 <u>VND</u>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.135.759.296.036</b>	<b>-</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>1.280.709.151.266</b>	<b>(144.949.855.230)</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	311	19.885.538.000	(19.885.538.000)
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	19.885.538.000
2. Phải trả người bán (*)	312	1.217.260.823.108	(1.217.260.823.108)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	-	1.217.260.823.108
3. Người mua trả tiền trước (*)	313	7.628.373.763	(7.628.373.763)
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	7.628.373.763
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	314	17.883.508.683	(17.883.508.683)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	-	17.883.508.683
5. Phải trả người lao động (*)	315	7.525.743.977	(7.525.743.977)
4. Phải trả người lao động	314	-	7.525.743.977
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	319	9.680.868.661	(9.680.868.661)
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	-	9.680.868.661
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	323	844.295.074	(844.295.074)
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	844.295.074
8. Quỹ bình ổn giá	323	-	(144.949.855.230)
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>(144.949.855.230)</b>	<b>144.949.855.230</b>
2. Quỹ bình ổn xăng dầu (*)	340	(144.949.855.230)	144.949.855.230
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>933.216.826.502</b>	<b>9.679.953.345</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>933.216.826.502</b>	<b>9.679.953.345</b>
2. Quỹ đầu tư phát triển (*)	417	13.688.826.587	(13.688.826.587)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	15.494.474.885
3. Quỹ dự phòng tài chính (*)	418	1.805.648.298	(1.805.648.298)
4. Lỗ lũy kế (*)	420	(1.571.052.349.839)	1.571.052.349.839
4. Lỗ lũy kế	421	-	(1.571.052.349.839)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	9.679.953.345
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỀU SỐ (*)</b>	<b>439</b>	<b>9.679.953.345</b>	<b>(9.679.953.345)</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>	<b>2.078.656.075.883</b>	<b>-</b>
			<b>2.078.656.075.883</b>

**39. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2016.

  
Mai Ngoc Rin  
Người lập biểu

  
Bui Minh He  
Kế toán trưởng



  
Huynh Duc Truong  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2016